

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 277/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: **A L**, khu vực 1, phường **B**, quận **B**, thành phố **Cần Thơ**.

Bà **H** ủy quyền cho ông **Lê Văn P** theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 3350, quyền số 04/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/9/2022 tại **Văn phòng C**, thành phố **Cần Thơ**.

* Bị đơn: Ông **Châu Văn N**, sinh năm 1963

Địa chỉ: 139A/RC, khu vực **Bình Thường A**, phường **L**, quận **B**, thành phố **Cần Thơ**.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Châu Văn B**, sinh năm 1957

Địa chỉ: 136/RC khu vực **Bình Thường A**, phường **L**, quận **B**, thành phố **Cần Thơ**;

2/ Ông **Châu Văn S**, sinh năm 1964

Địa chỉ: 139/RC khu vực **Bình Thường A**, phường **L**, quận **B**, thành phố **Cần Thơ**.

Các ông **N**, **B**, **S** ủy quyền cho ông **Lê Minh Đ** theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 4336, quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2022 tại **Văn phòng C**, thành phố **Cần Thơ**.

2. Sự thoả thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận cho ông **Châu Văn N** phần diện tích đất 178,7m² (loại đất cây lâu năm) tại thửa 266, tờ bản đồ số 7 đất tọa lạc tại khu vực **Bình Thường A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ**. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01269.QSDĐ/... do **UBND thành phố C** cấp ngày 12/5/1995, chỉnh lý biến động ngày 08/4/2005. Vị trí, hiện trạng theo Bản trích đo địa chính số 357/TTKTTNMT ngày 20/4/2023 của **Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố C** lập.

Ông **Châu Văn N** có trách nhiệm giao cho bà **Trần Thị H** phần diện tích đất 6.1m² (loại đất CLN) được đánh ký tự A của Bản trích đo địa chính số 357/TTKTTNMT ngày 20/4/2023 của **Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố C**.

Bà **Trần Thị H** có trách nhiệm giao cho ông **Châu Văn N** phần diện tích đất 9.1m² (loại đất CLN) được đánh ký tự B của Bản trích đo địa chính số 357/TTKTTNMT ngày 20/4/2023 của **Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố C**.

Các bên đương sự tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục chỉnh lý, cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002914 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Bị đơn tự nguyện chịu 871.163 đồng (tám trăm bảy mươi một nghìn, một trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp 885.788 đồng theo biên lai thu số 0002292 ngày 05/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí, bị đơn được nhận lại số tiền 14.625 đồng (mười bốn nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Về chi phí đo đạc, lệ phí trích đo địa chính, phí trích lục hồ sơ: Là 5.024.000 đồng (năm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Nguyên đơn tự nguyện chịu đã giải quyết xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đính kèm Bản trích đo địa chính số 357/TTKTTNMT ngày 20/4/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố C).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TA TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải